

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	259,540,619,000	205,178,619,000	101,511,665,777	85,990,970,301	39.11	41.91
I	Các khoản thu hưởng 100%	1,545,000,000	505,000,000	124,575,826	41,135,922	8.06	8.15
	Các loại phí, lệ phí	190,000,000	190,000,000	63,796,000	40,400,000	33.58	21.26
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	55,000,000	55,000,000			0.00	0.00
	Thu tiền phạt			57,007,000			
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	1,300,000,000	260,000,000	3,772,826	735,922	0.29	0.28
II	Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %	75,550,000,000	22,228,000,000	20,595,522,951	5,158,267,379	27.26	23.21
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			178,436,655			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9,750,000,000	5,252,000,000	2,146,547,777	1,157,599,790	22.02	22.04
	Thuế thu nhập cá nhân			1,768,684,417			
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	7,000,000,000	4,270,000,000	1,896,968,126	1,087,292,393	27.10	25.46
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	420,000,000	420,000,000	19,858,676	19,858,676	4.73	4.73
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	200,000,000	80,000,000	118,427,300	196,520	59.21	0.25
	Thu tiền sử dụng đất	58,180,000,000	12,206,000,000	14,466,600,000	2,893,320,000	24.87	23.70
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước						
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác						
	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	Thu Viện trợ						
D	Thu chuyển nguồn						
E	Thu kết dư ngân sách						
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	182,445,619,000	182,445,619,000	80,791,567,000	80,791,567,000	44.28	44.28
1	Bổ sung cân đối	154,927,000,000	154,927,000,000	54,000,000,000	54,000,000,000	34.86	34.86
2	Bổ sung có mục tiêu	1,080,000,000	1,080,000,000	352,948,000	352,948,000	32.68	32.68
3	Thu bổ sung có MT đầu tư	26,438,619,000	26,438,619,000	26,438,619,000	26,438,619,000	100.00	100.00